

Số: **1160** /SNV-CCVC

Hà Nội, ngày **05** tháng **5** năm 2022

V/v báo cáo cơ cấu, số lượng, xác định nhu cầu và cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành Khoa học và công nghệ năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, cơ quan tương đương Sở;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố.

Thực hiện Văn bản số 704/BKH-CN-TCCB ngày 04/4/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ, chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 3310/VP-NC ngày 08/4/2022 về việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành Khoa học và công nghệ hạng I và hạng II năm 2022; căn cứ Chương trình công tác năm 2022, Sở Nội vụ hướng dẫn việc báo cáo cơ cấu, số lượng, xác định nhu cầu và cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành Khoa học công nghệ năm 2022 như sau:

1. Đối tượng dự thi và xét

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Khoa học và công nghệ (KH&CN), đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng theo quy định. Cụ thể:

1.1. Nhóm chức danh nghiên cứu khoa học:

- Đang giữ CDNN Nghiên cứu viên chính hạng II, mã số V.05.01.02 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên CDNN nghiên cứu viên cao cấp hạng I, mã số V.05.01.01.

- Đang giữ CDNN Nghiên cứu viên hạng III, mã số V.05.01.03 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên CDNN nghiên cứu viên chính hạng II, mã số V.05.01.02.

- Đang giữ CDNN Trợ lý nghiên cứu hạng IV, mã số V.05.01.04 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng lên CDNN nghiên cứu viên hạng III, mã số V.05.01.03.

1.2. Nhóm chức danh công nghệ:

- Đang giữ CDNN Kỹ sư chính hạng II, mã số V.05.02.06 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên CDNN Kỹ sư cao cấp hạng I, mã số V.05.02.05.

- Đang giữ CDNN Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên CDNN Kỹ sư chính hạng II, mã số V.05.02.06.

- Đang giữ CDNN Kỹ thuật viên hạng IV, mã số V.05.02.08 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng lên CDNN Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi và xét

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ từ hạng II lên hạng I và từ hạng III lên hạng II

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II (nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính) lên hạng I (nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp) hoặc từ hạng III (nghiên cứu viên, kỹ sư) lên hạng II (nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

2.1.1. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

2.1.2. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV) và Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN).

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng thuộc đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học khi đăng ký dự xét thăng hạng. Trường hợp không thuộc đối tượng miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì trong hồ sơ dự xét phải có minh chứng đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

2.1.3. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

a) Đối với thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) lên chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I): Có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

b) Đối với thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh kỹ sư chính (hạng II) lên chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I):

Có thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

c) Đối với thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) lên chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II):

Có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

d) Đối với thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh kỹ sư (hạng III) lên chức danh kỹ sư chính (hạng II):

Có thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ sư (hạng III) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Việc tính thời gian tương đương quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

2.1.4. Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng phải đạt thêm số điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn như sau:

a) Đối với xét thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) lên chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I):

Trong thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương đạt ít nhất 05 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 03 điểm quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

b) Đối với xét thăng hạng từ chức danh kỹ sư chính (hạng II) lên chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I)

Trong thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương đạt ít nhất 04 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 02 điểm quy đổi từ kết quả chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên hoặc làm giám đốc quản lý, chủ trì dự án, công trình, đề án từ cấp II trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật hoặc tác giả của bài báo khoa học, sáng chế được cấp bằng độc quyền, giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền.

c) Đối với xét thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) lên chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II):

Trong thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương đạt ít nhất 03 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 điểm quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

d) Đối với xét thăng hạng từ chức danh kỹ sư (hạng III) lên chức danh kỹ sư chính (hạng II):

Trong thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương đạt ít nhất 02 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 điểm quy đổi từ kết quả chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc dự án, công trình, đề án từ cấp III trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật hoặc là tác giả của giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn, bài báo khoa học được công bố.

Quy định về kết quả hoạt động chuyên môn được tính điểm quy đổi, tạp chí quốc tế có uy tín, bài báo khoa học, dự án, công trình, đề án thuộc chuyên ngành kỹ thuật và cách tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ từ hạng IV lên hạng III

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV (trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên) lên hạng III (nghiên cứu viên, kỹ sư) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

2.2.1. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

2.2.2. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (nghiên cứu viên hoặc kỹ sư) quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV và Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN .

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng thuộc đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học khi đăng

ký dự xét thăng hạng. Trường hợp không thuộc đối tượng miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì trong hồ sơ dự xét phải có minh chứng đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.3. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

a) Đối với xét thăng hạng từ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) lên chức danh nghiên cứu viên (hạng III):

Có thời gian giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu là 03 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

b) Đối với xét thăng hạng từ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) lên chức danh kỹ sư (hạng III):

Có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu là 03 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Việc tính thời gian tương đương quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

3. Về chỉ tiêu thi và xét thăng hạng; nguyên tắc cử viên chức dự thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

3.1. Về chỉ tiêu thi và xét thăng hạng

Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị xác định nhu cầu và đăng ký chỉ tiêu thăng hạng; trên cơ sở tổng hợp kết quả đăng ký nhu cầu và chỉ tiêu của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ báo cáo UBND Thành phố quyết định chỉ tiêu thăng hạng theo thẩm quyền.

3.2. Nguyên tắc cử viên chức dự thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Việc cử viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

b) Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi hoặc xét thăng hạng, bao gồm cả điều kiện về miễn thi môn ngoại ngữ, tin học.

4. Hồ sơ đăng ký dự thi và xét thăng hạng

4.1. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký dự thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi thăng hạng CDNN, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của CDNN dự thi hoặc xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì được miễn chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học;

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn CDNN dự thi.

4.2. Hình thức hồ sơ và trách nhiệm quản lý hồ sơ

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm. Bên ngoài bì hồ sơ có ghi đầy đủ, theo thứ tự các thành phần hồ sơ của viên chức.

Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng CDNN chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức theo quy định của pháp luật.

5. Hình thức, nội dung thi và xét thăng hạng

a) Hình thức, nội dung và thời gian thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định 115/2020/NĐ-CP.

b) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2021/TT-BKH&CN.

6. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng

- Đối với các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hạng I và hạng II viên chức chuyên ngành KH&CN gửi danh sách và hồ sơ về Sở Nội vụ **trước ngày 24/5/2022** để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ theo quy định.

- Đối với các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hạng III viên chức chuyên ngành KH&CN gửi danh sách và hồ sơ về Sở Nội vụ **trước ngày 30/6/2022** để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố ban hành Đề án tổ chức thăng hạng theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện

Đề nghị các cơ quan, đơn vị:

- Thực hiện thông báo công khai đến các đơn vị trực thuộc văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN hiện có của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN của đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi và dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN (danh sách đăng ký dự thi và dự xét lập riêng) theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của thành phần hồ sơ của các viên chức được cử dự thi hoặc dự xét thăng hạng.

Văn bản báo cáo và hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thăng hạng của cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ (qua phòng Công chức, viên chức) theo thời hạn quy định tại Mục 6 của Văn bản để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố; đồng thời, gửi file mềm danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi dưới dạng excel qua email: buihanhdat_sonv@hanoi.gov.vn

Đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin (tên, số điện thoại, email) của chuyên viên phụ trách về danh sách, hồ sơ của viên chức đăng ký dự thi và xét thăng hạng để thuận tiện phối hợp công tác.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị đơn vị có văn bản gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, xem xét, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở (để báo cáo);
- PGĐ Đinh Mạnh Hùng;
- Lưu: VT, CCVC (Đạt 03b)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Mạnh Hùng

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Phụ lục I

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2022**

TT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số viên chức giữ chức danh NN	Số lượng, cơ cấu CDNN hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thi thăng hạng của từng hạng viên chức			Ghi chú
				Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng II lên hạng I	Hạng III lên hạng II	Hạng IV lên hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Nhóm chức danh Khoa học										
II	Nhóm chức danh Công nghệ										

Ghi chú: Lập biểu báo cáo cơ cấu theo từng chức danh nghề nghiệp.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên và số điện thoại)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Phụ lục II A
DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2022

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh, chuyên ngành đăng ký dự xét	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề, đề án, công trình,	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN viên chức	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	NHÓM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC																		
I	Từ CDNN Nghiên cứu viên hạng II lên CDNN Nghiên cứu viên hạng I																		
1	Họ và tên																		
II	Từ CDNN Nghiên cứu viên hạng III lên CDNN Nghiên cứu viên hạng II																		
1	Họ và tên																		
III	Từ CDNN Hỗ trợ nghiên cứu hạng IV lên CDNN Nghiên cứu viên hạng III																		
1	Họ và tên																		
B	NHÓM CHỨC DANH CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ																		
I	Từ CDNN Kỹ sư chính hạng II lên CDNN Kỹ sư cao cấp hạng I																		
1	Họ và tên																		
II	Từ CDNN Kỹ sư hạng III lên CDNN Kỹ sư chính hạng II																		
1	Họ và tên																		
III	Từ CDNN Kỹ thuật viên hạng IV lên CDNN Kỹ sư hạng III																		
1	Họ và tên																		

Danh sách có ... người.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Phụ lục II A
DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG
CHỨC DANH VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2022

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh, chuyên ngành đăng ký dự thi	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề, đề án, công trình,	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ					Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN viên chức	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	NHÓM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC																		
I	Từ CDNN Nghiên cứu viên hạng II lên CDNN Nghiên cứu viên hạng I																		
<i>1</i>	<i>Họ và tên</i>																		
II	Từ CDNN Nghiên cứu viên hạng III lên CDNN Nghiên cứu viên hạng II																		
<i>1</i>	<i>Họ và tên</i>																		
III	Từ CDNN Hỗ trợ nghiên cứu hạng IV lên CDNN Nghiên cứu viên hạng III																		
<i>1</i>	<i>Họ và tên</i>																		
B	NHÓM CHỨC DANH CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ																		
I	Từ CDNN Kỹ sư chính hạng II lên CDNN Kỹ sư cao cấp hạng I																		
<i>1</i>	<i>Họ và tên</i>																		
II	Từ CDNN Kỹ sư hạng III lên CDNN Kỹ sư chính hạng II																		
<i>1</i>	<i>Họ và tên</i>																		
III	Từ CDNN Kỹ thuật viên hạng IV lên CDNN Kỹ sư hạng III																		
<i>1</i>	<i>Họ và tên</i>																		

Danh sách có ... người.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)